HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2020/NQ-HĐND	*Vĩnh Long, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội

đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2020.

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Những nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ KH&CN
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy,UBND tỉnh;UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Bùi Văn Nghiêm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 08 /2020/NQ-HĐND ngày 07 /7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Mục I Chương II Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 04 giờ được tính 01 ngày công, từ 04 giờ trở xuống được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại Điểm a Khoản này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$

Trong đó:

T_c: Dự toán tiền công của chức danh

L_{cs}: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

H_{stcn}: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

S_{nc}: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,49
3	Thành viên	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,16

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước: Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 40.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều này thì: cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước: Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu

cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1 Điều này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 184/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế, chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học như sau:

Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi hội thảo.

Thư ký hội thảo: 500.000 đồng/buổi hội thảo.

Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 2.000.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

7. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Mục I Chương II Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành tại Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi

của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Chương III
QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 3 Chương II Quy định này. Riêng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 8. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Chương II Quy định này.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Chương II Quy định này và mức chi hệ số tiền công theo ngày bằng 50% mức chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cụ thể:

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,395
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,245
3	Thành viên	0,125
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,08

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 10% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

2. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

3. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ,

đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

4. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 4 Chương II Quy định này và mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học bằng 50% mức chi nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cụ thể:

Người chủ trì: 750.000 đồng/buổi hội thảo.

Thư ký hội thảo: 250.000 đồng/buổi hội thảo.

Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo.

Thành viên tham gia hội thảo: 100.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

6. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Chương III Quy định này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 4 Chương II Quy định này và dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 2,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 9. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 5 Chương II Quy định này. Riêng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 10. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		250
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	250
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	150
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	100
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi
	Chủ tịch hội đồng		750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

3. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có).

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành tại Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Quy định này./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Bùi Văn Nghiêm